

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2022

“V/v : “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Diện.
2. Ông Hoàng Công Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Thôn Vĩnh P, xã Quảng L, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Nơi ở: Số nhà X, Ấp Y, xã Xuân Thới T, huyện Hóc M, thành phố Hồ Chí Minh. (Anh Nguyễn Đức H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Cao Thị Minh T, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn Vĩnh P, xã Quảng L, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022, bản tự khai và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì nguyên đơn, anh Nguyễn Đức H trình bày:

Anh và chị Cao Thị Minh T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng L, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Nay là Ủy ban nhân dân xã Quảng L, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình) ngày 08/10/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng đã sống ly thân gần 18 năm nay. Nay anh H thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Đức H và chị Cao Thị Minh T thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 10/04/1994 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 06/11/2002. Hiện nay các con đã trưởng thành và có thể tự lập nuôi sống bản thân nên nguyện vọng các con muốn ở với ai là tùy các con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng thống nhất giao lại cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không nợ gì ai hay ai nợ gì của vợ chồng.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Cao Thị Minh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng L, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Nay là Ủy ban nhân dân xã Quảng L, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình) ngày 08/10/1994. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đến nay là 28 năm và có hai người con. Năm 1997 vì hoàn cảnh gia đình khó khăn vợ chồng đã bàn với nhau để anh H vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn kiếm tiền giúp đỡ vợ con và nuôi mẹ già, nhưng anh H vào thành phố Hồ Chí Minh được 3 năm thì đã ngoại tình với người phụ nữ khác và ở lại sống với nhau như vợ chồng, từ đó bỏ bê gia đình và không gửi tiền về. Sau khi biết sự việc chị T đã vào thành phố Hồ Chí Minh khuyên bảo chồng và tha thứ nhưng anh H vẫn không thay đổi. Từ đó đến nay anh H không liên lạc về với gia đình, giao con và mẹ cho chị T nuôi dưỡng. Anh H trình bày không đúng sự thật về sự việc mâu thuẫn của vợ chồng. Vì vậy, nay anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Cao Thị Minh T và anh Nguyễn Đức H thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 10/04/1994 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 06/11/2002. Hiện các con chị T nuôi dưỡng đã trưởng thành và có thể tự lập nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng thống nhất giao lại cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, vợ chồng không nợ gì ai hay ai nợ gì của vợ chồng.

Anh Nguyễn Đức H làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đơn có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Quảng L, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình với lý do công việc ở xa đi lại khó khăn nên không thể trực tiếp đến Tòa án giải quyết được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Đức H khởi kiện xin ly hôn với bị đơn chị Cao Thị Minh T, bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn Vĩnh P, xã Quảng L, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Đức H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Cao Thị Minh T yêu nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 08/10/1994 tại UBND xã Quảng L, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Quảng L, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi lấy nhau, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau khi anh H đi làm ăn xa thì dần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh H đi làm ăn xa không quan tâm đến vợ con, ít khi liên lạc về với gia đình, hai vợ chồng đã sống ly thân gần 18 năm nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H làm đơn ly hôn chị T, mặc dù chị T không đồng ý nhưng chị cũng không thể hiện có sự níu kéo nào, hai vợ chồng đã sống ly thân gần 18 năm, mỗi người sống một nơi. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, khó có thể hàn gắn lại được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Đức H ly hôn với chị Cao Thị Minh T là có cơ sở.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Đức H và chị Cao Thị Minh T thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 10/04/1994 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 06/11/2002. Hiện các con chị T nuôi dưỡng đã trưởng thành và có thể tự lập nuôi sống bản thân. Nguyên vọng các con muốn ở với ai là tùy các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng thống nhất giao lại cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không nợ gì ai hay ai nợ gì của vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải nộp tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 147; Điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Cao Thị Minh T.

3. Về quan hệ con chung: Hai con chung Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 10/04/1994 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 06/11/2002 đã trưởng thành, có thể tự lập nuôi sống bản thân nên hai con muốn ở với ai là tùy nguyện vọng các con.

4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003374 ngày 30 tháng 5 năm 2022. Anh Nguyễn Đức H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Anh Nguyễn Đức H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi anh thường trú; Chị Cao Thị Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/9/2022), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Q Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng L;
- Lưu VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương